

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2
3. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
5. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	5 - 8
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	9
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	10 - 11
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	12 - 50
9. Phụ lục	51 - 57



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

THÔNG TIN CHUNG

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001122903 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 6 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần 17 ngày 07 tháng 8 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Cà Mau cấp.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; xuất nhập khẩu thủy sản các loại; kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
- Điện thoại : (0290) 3 831 608
- Fax : (0290) 3 580 827

Công ty có Chi nhánh Công ty Cổ phần Camimex tại thành phố Hồ Chí Minh đặt tại địa chỉ: 02 đường 28, Khu đô thị An Phú - An Khánh, Phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024
Ông Trần Minh Thiệu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024
Ông Bùi Đức Dũng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Lữ Hồng Lam	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2026
Ông Nguyễn Hoài Linh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2026
Bà Trương Hà My	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2026

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đặng Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 9 năm 2025
Ông Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019
Ông Huỳnh Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019
Ông Huỳnh Công Nhân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2024

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Ngọc Sơn - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 9 năm 2025).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công bố của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 8 năm 2026



Số: 4.0295/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 57, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Camimex tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Tây Nam Bộ

A&C

CHI NHÁNH

TÂY NAM BỘ

Nguyễn Hữu Danh

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Cần Thơ, ngày 28 tháng 8 năm 202



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.197.956.427.289	2.957.278.291.939
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		40.519.668.478	23.883.997.054
1. Tiền	111	V.1	40.519.668.478	23.883.997.054
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		222.171.880.681	190.788.740.462
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	222.171.880.681	190.788.740.462
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		496.103.350.628	604.779.718.134
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	325.452.579.030	142.806.144.129
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	52.827.091.463	356.059.041.989
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	117.823.680.135	105.914.532.016
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		-	-
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	2.357.701.142.032	2.082.456.426.021
1. Hàng tồn kho	141		2.511.281.875.863	2.221.437.606.567
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(153.580.733.831)	(138.981.180.546)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		81.460.385.470	55.369.410.268
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.7a	2.540.219.434	1.607.123.747
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		34.381.672.105	50.977.947.090
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.17	2.784.339.431	2.784.339.431
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165	V.8	41.754.154.500	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.003.802.162.357	938.584.843.265
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.030.000.000	1.030.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	1.030.000.000	1.030.000.000
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		560.968.102.216	594.343.579.526
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	403.686.591.323	424.013.950.022
- Nguyên giá	222		822.212.559.154	811.257.579.109
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(418.525.967.831)	(387.243.629.087)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	120.605.186.399	132.060.638.280
- Nguyên giá	225		231.762.006.489	218.249.735.786
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(111.156.820.090)	(86.189.097.506)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	36.676.324.494	38.268.991.224
- Nguyên giá	228		67.388.648.718	67.388.648.718
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.712.324.224)	(29.119.657.494)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		216.871.224.025	172.688.858.240
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.12	216.871.224.025	172.688.858.240
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		169.020.060.000	115.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	261	V.2b	40.000.000.000	40.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2b	126.000.060.000	75.000.000.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	V.2a	3.020.000.000	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		55.912.776.116	55.522.405.499
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.7b	55.912.776.116	55.522.405.499
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	V.13	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	278		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		4.201.758.589.646	3.895.863.135.204



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.025.467.370.329	2.735.505.632.088
I. Nợ ngắn hạn	310		2.405.771.985.452	2.055.590.481.820
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	399.434.725.968	338.195.472.919
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	33.225.857.456	7.212.467.822
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.16	2.984.183.662	2.984.183.662
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.17	2.005.002.497	18.404.879.919
5. Phải trả người lao động	315	V.18	34.873.634.004	26.094.553.934
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.19	28.350.765.121	20.484.247.186
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.20	10.873.216.819	15.833.513.373
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.21a	1.893.144.599.925	1.625.501.163.005
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	880.000.000	880.000.000
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		619.695.384.877	679.915.150.268
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.21b	619.695.384.877	679.915.150.268
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.176.291.219.317	1.160.357.503.116
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	978.999.980.000	978.999.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		978.999.980.000	978.999.980.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412	V.23	(228.222.222)	(228.222.222)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	197.519.461.539	181.585.745.338
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		181.585.745.338	181.585.745.338
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		15.933.716.201	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.201.758.589.646	3.895.863.135.204

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026


Trần Quốc Phong
Người lập
Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng
Đặng Ngọc Sơn
Người đại diện theo pháp luậtBTS-01
3 TY TN
AN VÀ T
&C
NHÂN
Y NAM
TU - TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.652.567.490.648	1.329.211.222.719
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.846.670.322	3.233.618.688
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.647.720.820.326	1.325.977.604.031
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.445.979.128.751	1.064.298.633.128
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		201.741.691.575	261.678.970.903
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	31.384.867.693	20.314.713.884
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	99.225.174.309	109.357.883.312
Trong đó: chi phí lãi vay	24		89.825.231.106	67.485.327.593
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	81.914.385.289	79.833.611.546
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	33.861.599.915	33.589.473.263
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.125.399.755	59.212.716.666
12. Thu nhập khác	31	VI.8	1.301.631.763	4.388.664.776
13. Chi phí khác	32	VI.9	805.777.821	702.191.491
14. Lợi nhuận khác	40		495.853.942	3.686.473.285
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.621.253.697	62.899.189.951
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	2.687.537.496	9.991.627.011
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.933.716.201	52.907.562.940
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10		
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10		

Trần Quốc Phong
Người lậpNguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Đặng Ngọc Sơn
Người đại diện theo pháp luật

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.621.253.697	62.899.189.951
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10,	58.730.176.518	62.098.011.602
- Các khoản dự phòng	03	V.6	14.599.553.285	2.680.841.504
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	4.351.287.943	31.464.591.222
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	VI.4, VI.8	(11.824.454.303)	(7.665.586.887)
- Chi phí đi vay	06	VI.5	89.825.231.106	67.485.327.593
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		174.303.048.246	218.962.374.985
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		132.423.131.238	(30.992.271.040)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(289.844.269.296)	(417.984.824.785)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		71.253.360.725	50.614.638.422
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(1.323.466.304)	(41.714.412.557)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14	V.19, VI.5	(81.958.713.171)	(45.805.007.239)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.853.091.438	(266.919.502.214)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, V.9, V.10, V.12, V.14, V.21b	(58.473.728.879)	(3.764.016.457)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.8	45.454.545	9.250.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(122.799.997.320)	(236.740.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		50.639.636.713	75.100.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(51.000.060.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2a, VI.4	2.712.625.646	2.052.041.774
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(178.876.069.295)	(154.101.974.683)



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	3.302.366.466.114	2.654.438.099.948
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(3.087.391.877.492)	(2.344.394.549.856)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.21a	(21.409.336.733)	(15.883.849.749)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		193.565.251.889	294.159.700.343
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		19.542.274.032	(126.861.776.554)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	23.883.997.054	133.412.919.111
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.906.602.608)	3.054.403.084
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	40.519.668.478	9.605.545.641

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026


Trần Quốc Phong
Người lập


Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng


Đặng Ngọc Sơn
Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp; kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; xuất nhập khẩu thủy sản các loại; kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Camimex Organic có trụ sở chính tại ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, tỉnh Cà Mau, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, nuôi tôm và nuôi trồng thủy sản nội địa. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 79,21%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Số lượng người lao động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.458 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.457 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính (“Thông tư 99”) thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột “Số đầu năm” và cột “Kỳ trước” trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.

8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán “CMM” theo Quyết định số 767/QĐ-SGDHN ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 08 tháng 11 năm 2022, số lượng cổ phiếu đang niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 97.899.998 cổ phiếu, với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam ("VND") do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99") và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giá định hoạt động liên tục.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán (trừ các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi) được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ). Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày theo số thuận giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến



815-06
3 TY TN
AN VÀ T
& C
NHÂN
Y NAM
TU - TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chi tiêu này mà trình bày tại chi tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" hoặc "Tài sản dài hạn khác" tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua (phí giao dịch, hoa hồng môi giới,...). Lãi dồn tích từ kỳ trước tính đến ngày mua được ghi giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

Trường hợp có phát sinh chiết khấu hoặc phụ trội tại thời điểm mua, phần chiết khấu được phân bổ dần trong suốt kỳ hạn còn lại của khoản đầu tư theo phương pháp lãi suất thực, ghi tăng giá trị khoản đầu tư và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính; phần phụ trội được phân bổ dần theo phương pháp tương tự, ghi giảm giá trị khoản đầu tư và ghi nhận vào chi phí tài chính.

Trường hợp khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có lãi suất thả nổi được xác định lại hàng kỳ theo thị trường mà việc cập nhật lãi suất thả nổi sẽ triệt tiêu được chiết khấu, phụ trội liên quan đến lợi thế/bất lợi của công cụ thì chiết khấu, phụ trội được phân bổ cho giai đoạn từ ngày mua tới ngày chốt lãi suất tiếp theo (ngày mà lãi suất danh nghĩa của trái phiếu được xác định theo biến động lãi suất trên thị trường). Trường hợp khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có lãi suất thả nổi được xác định lại hàng kỳ theo thị trường đồng thời chiết khấu, phụ trội liên quan đến lợi thế/bất lợi của công cụ mà việc cập nhật lãi suất thả nổi không triệt tiêu được thì chiết khấu, phụ trội được phân bổ trong suốt thời gian của công cụ.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy, tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Trường hợp các bằng chứng tổn thất giảm đi hoặc không còn trong kỳ sau, phần tổn thất đã ghi nhận được hoàn nhập và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Công ty vay vốn để đầu tư vào công ty con thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ hoặc khoản đầu tư bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn. Mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại công ty con tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của công ty con tại cùng thời điểm. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Nếu Công ty vay vốn để đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại đơn vị được đầu tư tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của đơn vị tại cùng thời điểm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ. Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường và sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường không được trình bày là hàng tồn kho mà được trình bày là tài sản dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Công ty như sau:

Chi phí công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng hoặc cho thuê liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (không quá 03 năm).

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng kể từ kỳ tài sản được sửa chữa, bảo dưỡng hoàn thành, đưa vào sử dụng cho đến lần cần sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo (thường là 03 năm).

Chi phí thuê hoạt động tài sản cố định

Chi phí thuê hoạt động quyền sử dụng đất phục vụ cho sản xuất, kinh doanh đã trả trước cho nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê trả trước (36 năm).

Các chi phí chờ phân bổ khác

Các chi phí khác đã phát sinh có liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 44
Máy móc và thiết bị	03 – 54
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 14
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê. Trường hợp không xác định được lãi suất ngầm định, lãi suất sử dụng là lãi suất ghi trong hợp đồng hoặc lãi suất biên đi vay của Công ty tại thời điểm khởi đầu hợp đồng thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê, tài sản cố định được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm. Quyền sử dụng đất ổn định lâu dài không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của Nhãn hiệu, tên thương mại mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hàng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ,



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ của doanh nghiệp.

Cổ tức ưu đãi được xử lý theo bản chất phân loại của cổ phiếu ưu đãi: trường hợp cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, khoản cổ tức tương ứng không được ghi nhận từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Trường hợp được phân loại là vốn chủ sở hữu, cổ tức ưu đãi được xử lý tương tự cổ tức cổ phiếu phổ thông. Khi ghi nhận nghĩa vụ chi trả, cổ tức/lợi nhuận phải trả bằng tiền được hạch toán vào "Phải trả cổ tức, lợi nhuận" và được trình bày là nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận bao gồm:

- Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung.
- Chênh lệch giữa giá mua lại và giá bán tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.
- Phần chênh lệch giữa giá trị nợ gốc trái phiếu chuyển đổi lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành thêm khi chuyển đổi và toàn bộ giá trị quyền chọn chuyển đổi được kết chuyển vào thặng dư vốn bất kể trái chủ có thực hiện quyền chọn hay không.
- Phần chênh lệch giữa giá trị vốn góp thực nhận và giá trị vốn theo Điều lệ Công ty.

Chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu thành công được ghi giảm thặng dư vốn. Chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công. Giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công được theo dõi riêng và thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ gồm hàng bán bị trả lại. Các khoản này được theo dõi riêng và kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Trường hợp sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại hoặc hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: đây là sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu các khoản giảm trừ phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: được ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, là tài sản cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán, được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa chi phí đi vay bắt đầu khi đồng thời thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Chi phí cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đã phát sinh;
- Chi phí đi vay đã phát sinh; và
- Các hoạt động cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đang được tiến hành.

Việc vốn hóa tạm ngừng trong các giai đoạn quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bị gián đoạn một cách bất thường. Việc vốn hóa chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết để chuẩn bị đưa tài sản vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Đối với khoản vay riêng biệt phục vụ việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa là chi phí đi vay thực tế phát sinh trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của khoản vay này.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang, chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa áp dụng cho chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

luật khắc có liên quan. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty con.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận.
- Kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn).
- Tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	94.252.631	211.896.916
Tiền gửi không kỳ hạn	40.425.415.847	23.672.100.138
- Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau	114.451.609	15.367.671.837
- Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre	112.531.086	7.658.461.268
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Bến Thành	7.264.740.443	47.574.848
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	10.761.308.386	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	15.004.791.484	14.774.249
- Các ngân hàng, tổ chức khác	7.167.592.839	583.617.936
Cộng	40.519.668.478	23.883.997.054

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá trị dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá trị dự phòng</u>
Ngắn hạn	222.171.880.681	222.171.880.681	-	190.788.740.462	190.788.740.462	-
Tiền gửi có kỳ hạn	222.171.880.681	222.171.880.681	-	190.788.740.462	190.788.740.462	-
Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau (*)	86.823.509.671	86.823.509.671	-	130.117.303.564	130.117.303.564	-
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre (*)	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (*)	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cà Mau (*)	25.000.000.000	25.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
<i>Các ngân hàng khác ^(*)</i>	14.254.200.000	14.254.200.000	-	18.574.200.000	18.574.200.000	-
<i>Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu</i>	6.094.171.010	6.094.171.010	-	2.097.236.898	2.097.236.898	-
<i>Dài hạn</i>	3.020.000.000	3.020.000.000	-	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	3.020.000.000	3.020.000.000	-	-	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau ^(*)</i>	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-	-
<i>Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam- Chi nhánh Sài Gòn</i>	20.000.000	20.000.000	-	-	-	-
Cộng	225.191.880.681	225.191.880.681	-	190.788.740.462	190.788.740.462	-

(*) Các khoản tiền gửi cuối kỳ đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.21a).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	40.000.000.000	40.383.032.655	-	40.000.000.000	45.148.502.617	-
Công ty TNHH Camimex Organic ⁽ⁱ⁾	40.000.000.000	40.383.032.655	-	40.000.000.000	45.148.502.617	-
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	126.000.060.000	130.928.483.228	-	75.000.000.000	76.755.185.451	-
Công ty Cổ phần Camimex Foods ⁽ⁱⁱ⁾	50.000.000.000	54.928.423.228	-	50.000.000.000	51.750.719.350	-
Công ty Cổ phần Camimex Farm ⁽ⁱⁱⁱ⁾	76.000.060.000	76.000.060.000	-	25.000.000.000	25.004.466.101	-
Cộng	166.000.060.000	171.311.515.883	-	115.000.000.000	121.903.688.068	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 20001014506 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 4 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau (nay là Sở Tài chính tỉnh Cà Mau) cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Camimex Organic 40.000.000.000 VND, tương đương 79,21% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ vào Công ty này.

(ii) Công ty đã mua 5.000.000 cổ phần tương đương 16,67% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Camimex Foods với giá mua là 50.000.000.000 VND.

(iii) Trong kỳ, Công ty đã mua thêm 3.400.004 cổ phần của Công ty Cổ phần Camimex Farm với giá mua là 51.000.060.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 5.900.004 cổ phần, tương đương 17,35% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Camimex Farm (số đầu năm là 2.500.000 cổ phần, tương đương 7,35% vốn điều lệ).

Giá trị có thể thu hồi

Giá trị có thể thu hồi được xác định dựa trên vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư theo tỷ lệ vốn góp, căn cứ vào Báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư không thể xác định một cách đáng tin cậy. Công ty đã ước tính mức dự phòng tổn thất là 0 VND dựa trên thông tin sẵn có. Đây là ước tính kế toán quan trọng và có thể thay đổi khi có thông tin đầy đủ hơn.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty TNHH Camimex Organic hiện đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Giao dịch với công ty con

Giao dịch giữa Công ty với công ty con được trình bày tại thuyết minh số VII.1b.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Phải thu các bên liên quan	213.650.637.393	-	7.666.276.036	-
Công ty Cổ phần Camimex Group	108.907.391.201	-	-	-
Công ty Cổ phần Camimex Foods	93.555.204.620	-	-	-
Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish	11.188.041.572	-	7.666.276.036	-
Phải thu các khách hàng khác	111.801.941.637	-	135.139.868.093	-
Metro Richelieu Inc.	15.139.281.858	-	23.131.267.761	-
Coop Cooperative	-	-	17.523.266.791	-
LSchroeder KG. (GmbH & Co)	-	-	20.183.598.000	-
Các khách hàng khác	96.662.659.779	-	74.301.735.541	-
Cộng	325.452.579.030	-	142.806.144.129	-

Toàn bộ công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng tại mọi thời điểm đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.21a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	13.246.534.603
Công ty Cổ phần Camimex Farm	-	1.450.719.622
Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish	-	11.795.814.981
Trả trước cho các người bán khác	52.827.091.463	342.812.507.386
Công ty TNHH Cơ điện lạnh TKT	9.339.696.296	10.986.368.106
Công ty TNHH MTV Thủy sản Xuân Nguyễn	21.468.931.432	291.579.400.151
Các nhà cung cấp khác	22.018.463.735	40.246.739.129
Cộng	52.827.091.463	356.059.041.989

Trong đó:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn về mua sắm tài sản cố định/xây dựng cơ bản	11.084.787.656	3.997.280.295



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Phải thu bên liên quan</i>	-	-	2.984.352.120	-
Công ty Cổ phần Camimex Foods - Phải thu ủy thác xuất khẩu	-	-	2.984.352.120	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	117.823.680.135	-	102.930.179.896	-
Ông Nguyễn Xuân Toán - Tạm ứng	-	-	61.429.581.534	-
Tạm ứng	5.896.987.632	-	4.071.069.581	-
Ông Hà Văn Bằng - Khoản đặt cọc mua cổ phần	66.500.000.000	-	-	-
Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	30.038.214.009	-	28.511.534.705	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	15.388.478.494	-	8.917.994.076	-
Cộng	117.823.680.135	-	105.914.532.016	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ dài hạn.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	28.767.821.186	-	20.132.699.580	-
Công cụ, dụng cụ	1.757.787.243	-	1.515.676.771	-
Thành phẩm	2.480.756.267.434	(153.580.733.831)	2.199.789.230.216	(138.981.180.546)
Cộng	2.511.281.875.863	(153.580.733.831)	2.221.437.606.567	(138.981.180.546)

Một số thành phẩm tồn kho cuối kỳ có giá trị ghi sổ là 743.401.992.182 VND (số đầu năm là 834.451.171.480 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.21a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	138.981.180.546	81.035.505.166
Trích lập dự phòng bổ sung	14.599.553.285	2.680.841.504
Số cuối kỳ	153.580.733.831	83.716.346.670



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí chờ phân bổ

7a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	646.124.434	1.143.185.447
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	255.344.882	424.360.481
Chi phí thuê hệ thống điện mặt trời	1.013.124.000	-
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	625.626.118	39.577.819
Cộng	2.540.219.434	1.607.123.747

7b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.108.835.337	2.728.251.586
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	7.108.702.822	5.230.009.871
Chi phí thuê đất (*)	46.049.115.028	46.846.320.274
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	646.122.929	717.823.768
Cộng	55.912.776.116	55.522.405.499

(*) Chi phí thuê đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 46.049.115.028 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.21a và V.21b).

8. Tài sản ngắn hạn khác

Các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau với số tiền lần lượt là 24.154.154.500 VND và 17.600.000.000 VND, hiện đang bị phong tỏa để cầm cố khoản vay của Công ty tại Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.21a). Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền gửi này sẽ được giải tỏa trong vòng 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động của tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 270.146.533.290 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng và tổ chức (xem thuyết minh số V.21a).

Danh mục tài sản cố định hữu hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>370.817.622.852</i>	<i>142.379.092.781</i>	<i>228.438.530.071</i>
Nhà xưởng chế biến	63.540.983.589	4.180.327.875	59.360.655.714
Nhà cửa, vật kiến trúc khác	307.276.639.263	138.198.764.906	169.077.874.357
<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>404.873.183.444</i>	<i>246.629.666.933</i>	<i>158.243.516.511</i>
Máy móc và thiết bị khác	404.873.183.444	246.629.666.933	158.243.516.511
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>44.424.988.862</i>	<i>27.709.775.793</i>	<i>16.715.213.069</i>
Xe Lexus LX600, biển số 51K 718.25	9.181.236.364	2.830.881.211	6.350.355.153
Phương tiện vận tải, truyền dẫn khác	35.243.752.498	24.878.894.582	10.364.857.916
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>2.096.763.996</i>	<i>1.807.432.324</i>	<i>289.331.672</i>
Thiết bị, dụng cụ quản lý khác	2.096.763.996	1.807.432.324	289.331.672
Cộng	822.212.559.154	418.525.967.831	403.686.591.323



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết các tài sản cố định hữu hình đã thanh lý trong kỳ như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Giá thanh lý
Xe Toyota, biển số 51F-579.64	887.448.460	887.448.460	-	45.454.545
Cộng	887.448.460	887.448.460	-	45.454.545

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị
Nguyên giá	
Số đầu năm	218.249.735.786
Thuê tài chính trong kỳ	13.512.270.703
Số cuối kỳ	231.762.006.489
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	86.189.097.506
Khấu hao trong kỳ	24.967.722.584
Số cuối kỳ	111.156.820.090
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	132.060.638.280
Số cuối kỳ	120.605.186.399

Danh mục tài sản cố định thuê tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Hệ thống lạnh	59.705.526.657	27.862.579.111	31.842.947.546
Hệ thống lạnh và dây chuyền Nobashi	38.124.946.957	34.312.452.263	3.812.494.694
Hệ thống máy nén lạnh Mycom	27.360.566.514	13.680.283.259	13.680.283.255
Các tài sản cố định thuê tài chính khác	106.570.966.361	35.301.505.457	71.269.460.904
Cộng	231.762.006.489	111.156.820.090	120.605.186.399

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính (*)	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	3.500.000.000	62.907.674.178	980.974.540	67.388.648.718
Số cuối kỳ	3.500.000.000	62.907.674.178	980.974.540	67.388.648.718
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	781.225.808	781.225.808
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	-	28.308.469.372	811.188.122	29.119.657.494
Khấu hao trong kỳ	-	1.572.691.854	19.974.876	1.592.666.730
Số cuối kỳ	-	29.881.161.226	831.162.998	30.712.324.224



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất (*)	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính (*)	Cộng
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	3.500.000.000	34.599.204.806	169.786.418	38.268.991.224
Số cuối kỳ	3.500.000.000	33.026.512.952	149.811.542	36.676.324.494
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Danh mục tài sản cố định vô hình tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất	3.500.000.000	-	3.500.000.000
Quyền sử dụng đất tại khóm 5, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Quyền sử dụng đất tại khóm 8, đường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau	2.500.000.000	-	2.500.000.000
Nhãn hiệu, tên thương mại	62.907.674.178	29.881.161.226	33.026.512.952
Chương trình phần mềm máy tính	980.974.540	831.162.998	149.811.542
Cộng	67.388.648.718	30.712.324.224	36.676.324.494

(*) Trong đó, quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm máy tính có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.149.811.542 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.21).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển chi phí chờ phân bổ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	35.196.343.703	18.124.230.000	-	53.320.573.703
- Nhà máy chế biến thủy sản Hùng Vương Bến Tre	5.679.583.703	-	-	5.679.583.703
- Máy phân cỡ tôm 11 hộc (*)	-	18.124.230.000	-	18.124.230.000
- Các tài sản khác	29.516.760.000	-	-	29.516.760.000
Xây dựng cơ bản dở dang	137.492.514.537	26.358.335.785	(300.200.000)	163.550.650.322
- Công trình xây dựng Nhà máy Chế biến Thủy sản - Xi nghiệp 1	128.564.067.037	26.158.335.785	(200.000.000)	154.522.402.822
- Các công trình khác	8.928.447.500	200.000.000	(100.200.000)	9.028.247.500
Cộng	172.688.858.240	44.482.565.785	(300.200.000)	216.871.224.025

(*) Công ty đã thế chấp máy phân cỡ tôm 11 hộc với giá trị theo sổ sách cuối kỳ là 18.124.230.000 VND để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh số V.21b).

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ là 0 VND (cùng kỳ năm trước là 3.348.336.270 VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho chi phí đi vay không được trừ với số tiền tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 73.467.378.717 VND (số đầu năm là 73.467.378.717 VND) do đánh giá ít có khả năng có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích này.

Chi tiết chi phí đi vay không được trừ như sau:

Năm 2023	6.196.701.245
Năm 2024	29.324.901.682
Năm 2025	37.945.775.790
Cộng	73.467.378.717

Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 và Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ, phần chi phí lãi vay không được trừ trong kỳ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo, liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai đủ để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>91.745.214.604</i>	<i>54.595.856.735</i>
Công ty TNHH Camimex Organic	91.745.214.604	34.781.386.524
Công ty Cổ phần Camimex Foods	-	19.313.008.273
Công ty TNHH TS Hưng Thuận (công ty không còn là bên liên quan trong kỳ)	-	501.461.938
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>307.689.511.364</i>	<i>283.599.616.184</i>
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên mã Quỳnh	32.784.043.034	71.944.944.674
LX_International (Singapore) Pte Ltd	107.738.178.952	78.851.319.394
Các nhà cung cấp khác	167.167.289.378	132.803.352.116
Cộng	399.434.725.968	338.195.472.919

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả người bán ngắn hạn về mua sắm tài sản cố định/xây dựng cơ bản	8.753.581.958	3.059.819.740

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Coop Cooperative	23.867.788.250	-
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Thùy Nhân	2.637.272.381	2.637.272.381
Các khách hàng khác	6.720.796.825	4.575.195.441
Cộng	33.225.857.456	7.212.467.822



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Cổ tức phải trả cho các bên liên quan</i>	<i>487.101.685</i>	<i>487.101.685</i>
Ông Bùi Sĩ Tuấn	200.368.069	200.368.069
Ông Bùi Đức Dũng	3.251.409	3.251.409
Ông Bùi Đức Cường	32.514.088	32.514.088
Ông Huỳnh Văn Tấn	30.481.958	30.481.958
Bà Vũ Thị Bích Ngọc	220.486.161	220.486.161
<i>Cổ tức phải trả cho các cổ đông khác</i>	<i>2.497.081.977</i>	<i>2.497.081.977</i>
Các cổ đông khác	2.497.081.977	2.497.081.977
Cộng	2.984.183.662	2.984.183.662

Khoản cổ tức phải trả đã quá thời hạn thanh toán là 2.984.183.662 VND (số đầu năm 2.984.183.662 VND). Khoản cổ tức này chậm thanh toán là do Công ty và các cổ đông thống nhất chưa thực hiện thanh toán nhằm tạo điều kiện cho Công ty chủ động cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh. Công ty dự kiến sẽ thanh toán khoản cổ tức này cho các cổ đông theo kế hoạch cân đối nguồn vốn trong thời gian tới.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

Tình hình biến động thuế và các khoản phải nộp nhà nước ngắn hạn được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại	Không kê khai, tính thuế, 5%
- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản	5%
- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản	10%
- Các dịch vụ khác	10%

Trong kỳ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập khác với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.621.253.697	62.899.189.951
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
• Chi phí lãi vay không được trừ ⁽ⁱ⁾	-	11.051.294.583
• Các khoản điều chỉnh tăng khác	9.539.745.515	20.774.240.485
• Các khoản điều chỉnh giảm	(1.352.979.783)	(1.709.023.697)
Thu nhập chịu thuế	26.808.019.429	93.015.701.322
Thu nhập được miễn thuế	(5.069.440.000)	-
Thu nhập tính thuế	21.738.579.429	93.015.701.322
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	4.347.715.885	18.603.140.264
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(1.660.178.389)	(8.611.513.253)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.687.537.496	9.991.627.011

- (i) Chi phí lãi vay không được trừ này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất và nước trên mặt với mức 5.000 VND/m³ đối với nước dưới lòng đất và 40.000 VND/m³ đối với nước trên mặt.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>17.229.837.237</i>	<i>10.571.505.810</i>
Công ty Cổ phần Camimex Group - Chi phí đi vay phải trả	17.229.837.237	2.664.656.495
Công ty Cổ phần Camimex Farm - Chi phí đi vay phải trả	-	7.906.849.315
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>11.120.927.884</i>	<i>9.912.741.376</i>
Chi phí đi vay phải trả	11.120.927.884	9.912.741.376
Cộng	28.350.765.121	20.484.247.186

20. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>468.624.694</i>
Công ty Cổ phần Camimex Foods - Phải trả phí ủy thác xuất khẩu	-	468.624.694
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>10.873.216.819</i>	<i>15.364.888.679</i>
Kinh phí công đoàn	8.323.647.104	9.341.491.650
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	3.503.167.106
Nhận ký quỹ ngắn hạn	974.999.999	1.449.999.999
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.574.569.716	1.070.229.924
Cộng	10.873.216.819	15.833.513.373

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính**21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>355.634.901.874</i>	<i>397.261.822.114</i>
Vay Bà Lê Thị Diệu ^(xiii)	2.000.000.000	1.450.000.000
Vay Công ty Cổ phần Camimex Group ^(xii)	236.664.384.061	195.811.822.114
Vay Công ty Cổ phần Camimex Farm ^(xii)	116.970.517.813	200.000.000.000
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.497.110.915.881</i>	<i>1.187.814.401.884</i>
Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	86.117.601.449	78.701.377.702
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱ⁾	141.482.320.651	158.522.578.476
Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc - Chi nhánh Cà Mau (trước đây là Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	239.348.951.300	239.724.726.800
Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ^(iv)	290.276.105.300	254.714.024.683
Vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(v)	38.278.400.704	27.984.462.000
Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi	40.000.000.000	40.000.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
nhánh Chợ Lớn – Phòng giao dịch Lý Thái Tổ ^(vi)		
Vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre ^(vii)	89.709.741.850	79.776.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau ^(viii)	138.060.872.262	186.009.074.134
Vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cà Mau ^(ix)	112.694.530.400	49.929.502.600
Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(x)	199.108.779.321	-
Vay Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease ^(xi)	4.958.333.335	-
Vay ngắn hạn các cá nhân khác ^(xii)	6.060.961.041	2.350.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	111.014.318.268	70.102.655.489
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	40.398.782.170	40.424.939.007
Cộng	1.893.144.599.925	1.625.501.163.005

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 90.000.000.000 VND, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.9 và VII.1b).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 220.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn, thế chấp thành phẩm, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý, quyền sử dụng đất của Công ty và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.2a, V.6, V.9, V.11, VII.1a và VII.1b).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 240.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền đòi nợ, thành phẩm và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.3, V.6, VII.1a và VII.1b).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 500.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền đòi nợ, thành phẩm, chi phí thuê đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.3, V.6, V.7b, V.9 và VII.1a).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 12.000.000.000 VND và 1.000.000 USD, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn và thế chấp thành phẩm (xem thuyết minh số V.2a và V.6).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Chợ Lớn – Phòng giao dịch Lý Thái Tổ để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 70.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số VII.1a).
- (vii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi, thế chấp quyền đòi nợ, thành phẩm, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và bảo lãnh của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.2a, V.3, V.6, V.9 và VII.1a).
- (viii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 800.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi và thế chấp thành phẩm (xem thuyết minh số V.2a, V.6 và V.8).
- (ix) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn, quyền đòi nợ và thế chấp thành phẩm (xem thuyết minh số V.2a, V.3 và V.6).
- (x) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn và quyền đòi nợ (xem thuyết minh số V.2a và V.3).
- (xi) Khoản vay Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease để bổ sung vốn lưu động phục vụ trực tiếp việc quản lý, vận hành và sử dụng các tài sản thuê tài chính với hạn mức tín dụng là 8.500.000.000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay không quá 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị và bảo lãnh của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.9 và VII.1a).
- (xii) Vay không có tài sản đảm bảo Công ty Cổ phần Camimex Group và Công ty Cổ phần Camimex Farm để bổ sung vốn lưu động với lãi suất lần lượt là 15%/năm và 1,2%/năm, thời hạn vay không quá 12 tháng.
- (xiii) Khoản vay ngắn hạn các cá nhân khác không tính lãi.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác	553.121.643.466	604.415.310.218
Vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre ⁽ⁱ⁾	80.876.592.260	91.822.273.808
Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ⁽ⁱⁱ⁾	11.071.782.169	-
Vay ResponsAbility Sicav (Lux) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	49.359.268.302	54.292.659.564
Vay ResponsAbility Climate Smart Agriculture &	56.953.000.735	62.645.376.846

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Food Systems Fund, Sicav-Raif ^(iv)		
Vay Nederlandse Financierings-Maatschappij Voor Ontwikkelingslanden N.V ^(v)	354.861.000.000	395.655.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác	66.573.741.411	75.499.840.050
Nợ thuê tài chính phải trả Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 6,6%/năm, thời hạn 05 năm	21.204.946.589	27.691.698.035
Nợ thuê tài chính phải trả Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất không quá 12%/năm, thời hạn 05 năm	585.000.000	975.000.000
Nợ thuê tài chính phải trả Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn không quá 05 năm	18.230.825.504	16.700.829.218
Nợ thuê tài chính phải trả Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn 05 năm	4.087.108.169	5.061.984.443
Nợ thuê tài chính phải trả Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn 05 năm	22.465.861.149	25.070.328.354
Cộng	619.695.384.877	679.915.150.268

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre để tài trợ chi phí dự án nhà máy Hùng Vương Bến Tre để sản xuất chế biến cá fillet với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 01 năm 2025. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp chi phí thuê đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý, phần mềm quản lý và bảo lãnh của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.7b, V.9, V.11 và VII.1a).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để mua máy móc thiết bị theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 12 năm 2026. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.12).
- (iii) Khoản vay ResponsAbility Sicav (Lux) để sử dụng làm tổng vốn lưu động, làm vốn đầu tư xây dựng và đảm bảo đạt được chứng nhận tiêu chuẩn trang trại nuôi tôm của Hội đồng quản lý nuôi trồng thủy sản với lãi suất theo thông báo bên cho vay (lãi suất áp dụng cho mỗi kỳ tính lãi), thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 31 tháng 7 năm



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2025. Khoản vay này được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh vay vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.

- (iv) Khoản vay ResponsAbility Climate Smart Agriculture & Food Systems Fund, Sicav-Raif để sử dụng làm tổng vốn lưu động, làm vốn đầu tư xây dựng và đảm bảo đạt được chứng nhận tiêu chuẩn trang trại nuôi tôm của Hội đồng quản lý nuôi trồng thủy sản với lãi suất theo thông báo bên cho vay (lãi suất áp dụng cho mỗi kỳ tính lãi), thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 01 tháng 8 năm 2025. Khoản vay này được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh vay vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.
- (v) Khoản vay Nederlandse Financierings-Maatschappij Voor Ontwikkelingslanden N.V để thực hiện dự án (tất cả hoạt động sản xuất và kinh doanh liên quan đến dự án được nêu trong kế hoạch kinh doanh và sử dụng vốn vay nước ngoài được lập theo quy định tại Điều 7 và 17.2(b), Thông tư số 08/2023/TT-NHNN ngày 30/6/2023 của Chính phủ) với lãi suất theo thông báo bên cho vay về việc xác định lãi suất theo hợp đồng này cho kỳ tính lãi, thời hạn vay đến ngày 10 tháng 7 năm 2031. Số tiền vay được hoàn trả 06 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 10 tháng 01 năm 2027. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh VII.1b).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	115.488.726.356	23.540.351.927	89.819.963.711	2.128.410.718
Vay dài hạn các tổ chức khác	548.647.235.378	87.473.966.341	421.744.269.037	39.429.000.000
Nợ thuê tài chính	106.972.523.581	40.398.782.170	66.573.741.411	-
Cộng	771.108.485.315	151.413.100.438	578.137.974.159	41.557.410.718
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	113.713.636.904	21.891.363.096	87.565.452.380	4.256.821.428
Vay dài hạn các tổ chức khác	560.804.328.803	48.211.292.393	433.462.036.410	79.131.000.000
Nợ thuê tài chính	115.924.779.057	40.424.939.007	75.499.840.050	-
Cộng	790.442.744.764	110.527.594.496	596.527.328.840	83.387.821.428

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Tiền gốc phải trả	40.398.782.170	66.573.741.411	106.972.523.581
Lãi thuê phải trả	7.059.465.874	6.225.309.074	13.284.774.948
Nợ thuê tài chính phải trả	47.458.248.044	72.799.050.485	120.257.298.529
Số đầu năm			
Tiền gốc phải trả	40.424.939.007	75.499.840.050	115.924.779.057
Lãi thuê phải trả	7.531.893.208	26.007.850.372	33.539.743.580
Nợ thuê tài chính phải trả	47.956.832.215	101.507.690.422	149.464.522.637



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Kỳ này						
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác	604.415.310.218	12.720.771.000	(1.856.055.554)	(69.372.228)	(62.089.009.970)	553.121.643.466
Nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác	75.499.840.050	12.457.081.257	-	-	(21.383.179.896)	66.573.741.411
Cộng	679.915.150.268	25.177.852.257	(1.856.055.554)	(69.372.228)	(83.472.189.866)	619.695.384.877
Kỳ trước						
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác	519.974.538.693	125.970.000.000	-	18.263.000.000	(12.500.136.847)	651.707.401.846
Nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác	84.372.850.832	5.000.000.000	(416.666.670)	-	(20.591.903.967)	68.364.280.195
Cộng	604.347.389.525	130.970.000.000	(416.666.670)	18.263.000.000	(33.092.040.814)	720.071.682.041

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ phúc lợi. Chi tiết phát sinh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	880.000.000	880.000.000
Số cuối kỳ	880.000.000	880.000.000

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Camimex Group	724.725.000.000	724.725.000.000
Các cổ đông khác	254.274.980.000	254.274.980.000
Cộng	978.999.980.000	978.999.980.000

23c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	97.899.998	97.899.998
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	97.899.998	97.899.998
- Cổ phiếu phổ thông	97.899.998	97.899.998
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	97.899.998	97.899.998
- Cổ phiếu phổ thông	97.899.998	97.899.998
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ**24a. Tài sản cầm cố, thế chấp**

Chi tiết từng loại tài sản sử dụng để cầm cố, thế chấp được trình bày ở Phụ lục 05 đính kèm.

24b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 881.596 USD (số đầu năm là 769.169,94 USD).

24c. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>(VND)</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>(VND)</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Công ty TNHH MTV BCA	135.080.000	135.080.000	Không có khả năng thu hồi
HCKT Thăng Long	135.080.000	135.080.000	
Cộng	135.080.000	135.080.000	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	1.030.320.000	-
Doanh thu bán thành phẩm	1.638.820.651.494	1.305.047.221.639
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.716.519.154	24.164.001.080
Cộng	<u>1.652.567.490.648</u>	<u>1.329.211.222.719</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VII.1b.

2. Khoản giảm trừ doanh thu

Là hàng bán bị trả lại.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.441.382.268	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.418.927.943.628	1.042.439.998.843
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.010.249.570	19.177.792.781
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	14.599.553.285	2.680.841.504
Cộng	<u>1.445.979.128.751</u>	<u>1.064.298.633.128</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền không kỳ hạn	18.888.397	5.143.797
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.709.559.758	4.604.086.886
Lợi nhuận được chia	5.069.440.000	-
Lãi ứng trước tiền hàng	7.863.160.044	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	11.723.819.494	15.705.483.201
Cộng	<u>31.384.867.693</u>	<u>20.314.713.884</u>

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	89.825.231.106	67.485.327.593
Trong đó: Chi phí lãi thuê tài sản tài chính	5.205.947.258	4.363.473.518
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.048.655.260	10.407.964.497
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4.351.287.943	31.464.591.222
Cộng	<u>99.225.174.309</u>	<u>109.357.883.312</u>

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.607.012.354	2.703.936.632
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	153.110.000	140.450.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.732.639.458	55.016.285.051
- Chi phí vận chuyển	31.313.641.405	30.203.974.825
- Chi phí hoa hồng xuất khẩu	10.240.267.392	12.606.927.404
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	15.178.730.661	12.205.382.822
Các chi phí khác	22.421.623.477	21.972.939.863
Cộng	<u>81.914.385.289</u>	<u>79.833.611.546</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	13.146.361.964	10.269.115.009
Chi phí đồ dùng văn phòng	117.969.266	261.900.095
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.445.406.916	4.386.509.368
Thuế, phí và lệ phí	37.915.872	19.320.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	392.353.791	420.710.075
Các chi phí khác	15.721.592.106	18.231.918.716
Cộng	33.861.599.915	33.589.473.263

8. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	45.454.545	3.061.500.001
Thu từ xử lý nước thải	588.274.950	-
Thu hỗ trợ tiền hàng, tiền bồi thường	-	192.360.586
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	-	802.327.931
Thu nhập khác	667.902.268	332.476.258
Cộng	1.301.631.763	4.388.664.776

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt do vi phạm hợp đồng	311.218.757	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	443.781.156	156.422.905
Chi phí chậm nộp lãi vay	4.387.296	84.328.527
Chi trợ cấp mất việc làm cho nhân viên nghỉ việc	-	129.000.270
Chi phí xử lý công nợ	45.091.684	239.488.975
Chi phí khác	1.298.928	92.950.814
Cộng	805.777.821	702.191.491

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hóa đã bán	1.441.382.268	-
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.310.002.701.836	917.032.616.911
Chi phí nhân công	89.144.364.046	89.006.344.707
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.730.176.518	62.098.011.602
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.943.114.133	61.994.427.016
Chi phí khác	41.493.375.154	47.590.317.701
Cộng	1.561.755.113.955	1.177.721.717.937

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt; các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt</i>		
Vay tiền	54.250.000.000	250.000.000
Trả tiền vay	53.700.000.000	250.000.000

Cam kết bảo lãnh

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan đã dùng cổ phiếu thuộc sở hữu của mình, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số V.21).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.16 và V.21a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Họ và tên	Chức danh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	36.000.000	36.000.000
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	294.559.667	246.604.025
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	176.408.360	24.000.000
Ông Trần Minh Thiệu	Thành viên Hội đồng quản trị	24.000.000	24.000.000
Ông Bùi Đức Dũng	Thành viên Hội đồng quản trị	24.000.000	24.000.000
Ông Huỳnh Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc	212.014.287	193.131.029
Ông Huỳnh Công Nhân	Phó Tổng Giám đốc	153.329.486	88.954.630



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Họ và tên	Chức danh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Bà Lữ Hồng Lam	Trưởng ban Ban kiểm soát	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Hoài Linh	Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Bà Trương Hà My	Thành viên Ban kiểm soát	12.000.000	4.266.667
Bà Trần Thị My	Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 27/4/2025)	-	7.666.667
Cộng		962.311.800	678.623.018

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Camimex Group	Công ty mẹ
Công ty TNHH Camimex Organic	Công ty con
Công ty Cổ phần Camimex Farm	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Camimex Foods	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Camimex Nutrition	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	Công ty có thành viên góp vốn có mối quan hệ mật thiết với thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty
Công ty TNHH Thực phẩm - Thủy sản Thái Minh Hưng	Công ty có người đại diện theo pháp luật có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Công ty có thành viên quản lý chủ chốt là Tổng Giám đốc của Công ty
Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish	Công ty có người đại diện theo pháp luật là thành viên Hội đồng quản trị Công ty
Công ty Cổ phần Vốn Thiên Niên Kỳ	Công ty có người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
Công ty TNHH TS Hưng Thuận (công ty không còn là bên liên quan trong kỳ)	Công ty có thành viên góp vốn lớn có mối quan hệ mật thiết với thành viên Hội đồng quản trị Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Camimex Group		
Doanh thu bán thành phẩm	13.962.698.400	7.667.982.258
Mua hàng hóa	-	20.721.806.191
Chi phí cung cấp dịch vụ	8.551.570.813	9.734.259.259
Vay tiền	307.864.865.469	13.334.477.113
Trả tiền vay	267.012.303.522	19.825.908.567
Chi phí đi vay	14.565.180.742	15.048.036.534
Công ty TNHH Camimex Organic		
Mua hàng hóa, thành phẩm	213.257.341.157	210.493.222.882
Phí dịch vụ của dự án Tôm sinh thái	-	1.086.134.544

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Vay tiền	167.250.560.000	89.250.000.000
Trả tiền vay	167.250.560.000	89.250.000.000
Lợi nhuận được chia	5.069.440.000	-
Công ty Cổ phần Camimex Foods		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	216.254.719.502	3.594.212.484
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.034.363.128	1.374.081.119
Bán tài sản cố định	45.454.545	-
Mua hàng hóa, thành phẩm	5.789.813.245	6.783.437.224
Chi phí cung cấp dịch vụ	2.725.529.806	5.211.526.209
Bù trừ công nợ	20.503.255.710	-
Công ty Cổ phần Camimex Farm		
Mua hàng hóa	49.182.640	691.206.135
Trả tiền vay	83.029.482.187	-
Chi phí đi vay	1.065.205.480	1.190.136.986
Bù trừ công nợ	-	22.309.378.568
Góp vốn	51.000.060.000	-
Công ty Cổ Phần Camimex Nutrition		
Mua tài sản cố định	1.221.818.182	-
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát		
Mua hàng hóa	64.550.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn		
Mua hàng hóa	7.709.040.000	-
Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.572.158.115	1.871.465.250
Mua hàng hóa, thành phẩm	552.492.000	16.852.551.433
Chi phí cung cấp dịch vụ	16.794.262.808	5.556.387.600
Bán công cụ, dụng cụ	-	88.920.000
Bán tài sản cố định hữu hình	-	9.250.000.000
Công ty TNHH Thực phẩm - Thủy sản Thái Minh Hưng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	8.420.000
Thu điện, nước nhà ăn	-	13.703.700
Công ty TNHH TS Hưng Thuận (công ty không còn là bên liên quan trong kỳ)		
Mua hàng hóa	-	67.889.471.800
Vay tiền không lãi suất	-	112.625.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trả tiền vay	-	112.625.000.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty Cổ phần Camimex Foods dùng tài sản cố định thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.21a).

Công ty Cổ phần Camimex Group dùng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của mình, một phần cổ phần của Công ty và Công ty TNHH Camimex Organic do Công ty Cổ phần Camimex Group sở hữu để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng và Nederlandse Financierings-Maatschappij Voor Ontwikkelingslanden N.V (xem thuyết minh số V.21).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.14, V.16, V.19, V.20 và V.21a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động chế biến các sản phẩm từ thủy sản đông lạnh. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Nước ngoài	1.306.264.219.028	1.276.405.469.764
Trong nước	341.456.601.298	49.572.134.267
Cộng	1.647.720.820.326	1.325.977.604.031



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

Thay đổi sau đây, Thông tư 99 không có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể. Do đó, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố đối với phải trả cổ tức, lợi nhuận.

3b. Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán

Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Điều chỉnh do thay đổi chính sách kế toán	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ					
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn					
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	188.691.503.564	2.097.236.898	190.788.740.462	(i)
Phải thu ngắn hạn khác					
Phải thu ngắn hạn khác	135	108.011.768.914	(2.097.236.898)	105.914.532.016	(i)
Phải trả cổ tức, lợi nhuận					
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	2.984.183.662	2.984.183.662	(i)
Phải trả ngắn hạn khác					
Phải trả ngắn hạn khác	320	18.817.697.035	(2.984.183.662)	15.833.513.373	(i)

(i) Các điều chỉnh bao gồm:

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn: tăng do phân loại lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu.
- Phải thu ngắn hạn khác: giảm do phân loại lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu.
- Phải trả cổ tức, lợi nhuận: tăng do phân loại cổ tức, lợi nhuận theo Thông tư 99.
- Phải trả ngắn hạn khác: giảm do phân loại cổ tức, lợi nhuận theo Thông tư 99.

4. Các giả định và ước tính quan trọng

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các giả định và ước tính có ảnh hưởng đến số liệu tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính này. Các giả định và ước tính quan trọng được Ban Tổng Giám đốc đánh giá và cập nhật thường xuyên dựa trên kinh nghiệm lịch sử và các yếu tố liên quan khác.

Các ước tính dưới đây được Ban Tổng Giám đốc xác định là có khả năng ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo nếu các giả định thay đổi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Công ty ước tính khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên đánh giá khả năng thu hồi của từng khoản nợ phải thu theo tuổi nợ và tình hình tài chính của từng khách hàng. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc dự báo khả năng thanh toán của khách hàng trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế biến động.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trên cơ sở kết quả đánh giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Ban Tổng Giám đốc nhận thấy các khoản phải thu có khả năng thu hồi đầy đủ và không có khoản phải thu nào cần trích lập dự phòng. Trường hợp khả năng thu hồi thực tế thay đổi trong các kỳ sau, Công ty sẽ thực hiện ghi nhận dự phòng theo quy định hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau để hạn chế rủi ro nợ khó đòi:

- Tăng cường theo dõi và đôn đốc thu hồi công nợ định kỳ.
- Yêu cầu tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh đối với các khoản nợ có giá trị lớn.
- Rà soát hạn mức tín dụng cho từng khách hàng hàng quý.
- Khởi kiện hoặc áp dụng biện pháp pháp lý đối với các khoản nợ quá hạn.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Công ty ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho dựa trên giá bán dự kiến trừ chi phí bán hàng ước tính. Sự không chắc chắn phát sinh từ biến động giá thị trường, thay đổi nhu cầu của khách hàng và rủi ro lỗi thời của hàng hóa/vật tư tồn kho.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng giá trị hàng tồn kho theo giá gốc là 2.511.281.875.863 VND, dự phòng giảm giá đã trích lập là 153.580.733.831 VND.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng giá bán thực tế thấp hơn đáng kể so với ước tính là thấp trong điều kiện thị trường hiện tại, dựa trên xu hướng giá thị trường 6 tháng gần nhất và các đơn hàng đã ký kết.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau để hạn chế rủi ro:

- Kiểm kê và đánh giá chất lượng hàng tồn kho định kỳ hàng quý.
- Điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp với nhu cầu thị trường.
- Triển khai các chương trình khuyến mại để đẩy nhanh tiêu thụ hàng tồn kho chậm luân chuyển.
- Đa dạng hóa kênh phân phối để mở rộng thị trường tiêu thụ.

Ước tính thời gian sử dụng hữu ích và giá trị thu hồi của tài sản cố định

Công ty ước tính thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định dựa trên đánh giá kỹ thuật và kinh nghiệm sử dụng thực tế. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc thay đổi công nghệ, cường độ sử dụng và điều kiện bảo dưỡng thực tế khác với giả định ban đầu, dẫn đến thời gian sử dụng thực tế có thể ngắn hơn hoặc dài hơn ước tính.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Ban Tổng Giám đốc chưa xác định có yếu tố nào làm thay đổi đáng kể các giả định đang được sử dụng để xác định thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thời gian sử dụng hữu ích thực tế khác biệt đáng kể so với ước tính là thấp đối với phần lớn tài sản.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát và điều chỉnh thời gian sử dụng hữu ích định kỳ hàng năm.
- Thực hiện bảo dưỡng định kỳ theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Đánh giá dấu hiệu tổn thất tài sản tại mỗi ngày báo cáo theo quy định.
- Lập kế hoạch đầu tư thay thế tài sản kịp thời để tránh gián đoạn sản xuất kinh doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế hoãn lại

Việc xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và tài sản/thuế hoãn lại đòi hỏi Ban Tổng Giám đốc thực hiện các giả định về khả năng áp dụng các quy định thuế hiện hành, khả năng tạo ra lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng tài sản thuế hoãn lại và rủi ro bị cơ quan thuế điều chỉnh khi kiểm tra quyết toán thuế.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng lợi nhuận tính thuế thực tế thấp hơn đáng kể so với kế hoạch là thấp ra dựa trên kết quả kinh doanh các năm gần đây và kế hoạch kinh doanh được phê duyệt.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát định kỳ khả năng thu hồi tài sản thuế hoãn lại hàng năm.
- Tham vấn chuyên gia thuế về việc áp dụng các quy định thuế đối với các giao dịch phức tạp.
- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ chứng từ để sẵn sàng giải trình với cơ quan thuế.
- Theo dõi sát diễn biến chính sách thuế và điều chỉnh ước tính kịp thời.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026



Trần Quốc Phong
Người lập



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng



Đặng Ngọc Sơn
Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
BẢO CAO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	364.408.798.833	401.000.100.844	43.751.915.436	2.096.763.996	811.257.579.109
Mua trong kỳ	6.408.824.019	3.873.082.600	1.560.521.886	-	11.842.428.505
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(887.448.460)	-	(887.448.460)
Số cuối kỳ	370.817.622.852	404.873.183.444	44.424.988.862	2.096.763.996	822.212.559.154
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	37.928.534.099	99.084.770.434	8.929.959.877	1.487.313.996	147.430.578.406
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	129.839.934.629	228.755.617.453	26.878.173.015	1.769.903.990	387.243.629.087
Khấu hao trong kỳ	12.539.158.152	17.874.049.480	1.719.051.238	37.528.334	32.169.787.204
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(887.448.460)	-	(887.448.460)
Số cuối kỳ	142.379.092.781	246.629.666.933	27.709.775.793	1.807.432.324	418.525.967.831
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	234.568.864.204	172.244.483.391	16.873.742.421	326.860.006	424.013.950.022
Số cuối kỳ	228.438.530.071	158.243.516.511	16.715.213.069	289.331.672	403.686.591.323
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng

Đặng Ngọc Sơn
Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Phụ lục 02: Tình hình biến động thuế và các khoản phải nộp nhà nước ngắn hạn

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ		Đơn vị tính: VND
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Giảm khác (*)	Phải nộp	Phải thu	
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2,784,339,431	-	-	-	-	2,784,339,431	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18,108,986,172	-	2,687,537,496	-	(19,254,098,889)	1,542,424,779	-	
Thuế thu nhập cá nhân	249,756,920	-	298,099,348	(402,539,857)	(32,723,494)	112,592,917	-	
Thuế tài nguyên	15,334,800	-	109,732,000	(101,466,000)	-	23,600,800	-	
Các loại thuế khác	30,802,027	-	1,759,538,266	(1,362,271,007)	(101,685,285)	326,384,001	-	
Cộng	18,404,879,919	2,784,339,431	4,854,907,110	(1,866,276,864)	(19,388,507,668)	2,005,002,497	2,784,339,431	

(*) Giám theo các Quyết định hoàn thuế kiểm bù trừ thu ngân sách Nhà nước của Chi cục thuế Khu vực XX trong kỳ.

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác được thanh toán trong ngắn hạn.

Phê duyệt ngày 28 tháng 8 năm 2026

44

Trần Quốc Phong
Người lập



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng

Phê duyệt ngày 28 tháng 8 năm 2026

Dặng Ngọc Sơn
Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Phụ lục 03: Bảng tăng, giảm vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VND						
	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Kỳ này						
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	397,261,822,114	529,365,425,469	-	-	(570,992,345,709)	355,634,901,874
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1,187,814,401,884	2,760,280,269,645	62,089,009,970	1,470,710,611	(2,514,543,476,229)	1,497,110,915,881
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	40,424,939,007	-	21,383,179,896	-	(21,409,336,733)	40,398,782,170
Cộng	1,625,501,163,005	3,289,645,695,114	83,472,189,866	1,470,710,611	(3,106,945,158,671)	1,893,144,599,925
Kỳ trước						
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	402,303,253,568	215,209,477,113	-	-	(221,700,908,567)	395,811,822,114
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	885,171,075,756	2,313,258,622,835	12,500,136,847	14,810,243,084	(2,122,693,641,289)	1,103,046,437,233
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	28,777,230,696	-	20,591,903,967	-	(15,467,183,079)	33,901,951,584
Cộng	1,316,251,560,020	2,528,468,099,948	33,092,040,814	14,810,243,084	(2,359,861,732,935)	1,532,760,210,931

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026



Signature

Signature

Trần Quốc Phong
Người lập

Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng

Đặng Ngọc Sơn
Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Phụ lục 04: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	978,999,980,000	(228,222,222)	104,674,606,047	1,083,446,363,825
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	52,907,562,940	52,907,562,940
Số dư cuối kỳ trước	978,999,980,000	(228,222,222)	157,582,168,987	1,136,353,926,765
Số dư đầu năm nay	978,999,980,000	(228,222,222)	181,585,745,338	1,160,357,503,116
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	15,933,716,201	15,933,716,201
Số dư cuối kỳ này	978,999,980,000	(228,222,222)	197,519,461,539	1,176,291,219,317



Trần Quốc Phong
Người lập



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng



Đặng Ngọc Sơn
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lắm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Phụ lục 05: Chi tiết từng loại tài sản sử dụng để cầm cố, thế chấp

	Giá trị sổ sách		Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp	Đơn vị tính: VND
	Số cuối kỳ	Số đầu năm			
Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (xem thuyết minh số V.2a)	219,077,709,671	188,691,503,564	Theo hợp đồng vay	- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau;	
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	216,077,709,671	188,691,503,564		- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn; - Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre; - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cà Mau; - Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ.	
Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	3,000,000,000	-	Theo hợp đồng vay	- Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau	
Phải thu của khách hàng (xem thuyết minh số V.3)	325,452,579,030	142,806,144,129	Theo hợp đồng vay	- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc - Chi nhánh Cà Mau;	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	325,452,579,030	142,806,144,129		- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng; - Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre; - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cà Mau; - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ.	
Hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.6)	743,401,992,182	834,451,171,480			

Thành phẩm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp
	743,401,992,182	834,451,171,480	Theo hợp đồng vay	- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau; - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lặc - Chi nhánh Cà Mau; - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng; - Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn; - Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre; - Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau; - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cà Mau
Chi phí chờ phân bổ dài hạn (xem thuyết minh số V.7b)	46,049,115,028	46,846,320,274		
Chi phí thuê đất	46,049,115,028	46,846,320,274	Theo hợp đồng vay	- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre
Tài sản ngắn hạn khác (xem thuyết minh số V.8)	41,754,154,500	-		
Tiền gửi không kỳ hạn ngắn hạn	24,154,154,500	-	Theo hợp đồng vay	- Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	17,600,000,000	-	Theo hợp đồng vay	- Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau
Tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9)	270,146,533,290	285,490,636,591		
Nhà cửa, vật kiến trúc	162,536,161,717	167,048,824,720	Theo hợp đồng vay	- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau; - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau;
Máy móc và thiết bị	106,933,789,458	117,560,591,196	Theo hợp đồng vay	- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng; - Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre;
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	-	-	Theo hợp đồng vay	- Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillease.
Thiết bị, dụng cụ quản lý	676,582,115	881,220,675	Theo hợp đồng vay	
Tài sản cố định vô hình (xem thuyết minh số V.11)	1,149,811,542	1,000,000,000		
Quyền sử dụng đất	1,000,000,000	1,000,000,000	Theo hợp đồng vay	- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.
Chương trình phần mềm máy tính	149,811,542	-	Theo hợp đồng vay	- Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (xem thuyết minh số V.12)	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp
Mua sắm tài sản cố định - Máy phần cứng 11 bộ	18,124,230,000	-	Theo hợp đồng vay	- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.
Cộng	1,665,156,125,243	1,499,285,776,038		

[Signature]

Trần Quốc Phong
Người lập

[Signature]

Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng



Đặng Ngọc Sơn
Người đại diện theo pháp luật





**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.
www.a-c.com.vn

Ho Chi Minh Head Office : 02 Truong Son St., Tan Son Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Hanoi Branch : 40 Giang Vo St., Giang Vo Ward, Ha Noi City, Vietnam

Central Region Branch : Lot STH 06A.01, Road 13, Le Hong Phong II Urban Area, Nam Nhu Trang Ward, Khanh Hoa Province, Vietnam

Southwest Branch : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Tel: +84 (025) 8246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Tel: +84 (029) 2376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn